| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN B T**<br>**TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 31/2022/QĐST-HNGĐ | *B T, ngày 08 tháng 3 năm 2022* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 27/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị V, Sinh năm: 1996

Trú tại: Thôn K, xã H T, huyện B T, tỉnh T H.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn H, Sinh năm: 1993

Trú tại: Thôn K, xã H T, huyện B T, tỉnh T H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2022.

## XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị V và anh Bùi Văn H.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**- Về hôn nhân:** Chị Bùi Thị V và anh Bùi Văn H thuận tình ly hôn.

**- Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Đình C, sinh ngày 05/09/2016 và Bùi Thị Thu T, sinh ngày 29/10/2018. Nay ly hôn giao cả 02 cháu Đình C và Thu T cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên, chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đ/tháng (Một triệu đồng), hai cháu là 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng) thời gian cấp dưỡng từ tháng 3/2022 cho đến khi các cháu thành niên.

Chị Bùi Thị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản

trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

**- Về tài sản và công nợ:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**- Về án phí:** Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 nghị quyết 326/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chị Bùi Thị V và anh Bùi Văn H đều là người đồng bào dân tộc thiểu số (dân tộc Mường), sống ở xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

**3.** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**4.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện B T;
- UBND xã H T;
- Chi cục THADS huyện B T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Vũ Văn Nga**